TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TRẦN ĐỀ** **TỈNH SÓC TRĂNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 04/2017/KDTM-ST.
Ngày: 24-10-2017.
V/v tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẦN ĐỀ, TỈNH SÓC TRĂNG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Phước Tuấn.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Trần Huy Tùng.

Ông Nguyễn Văn Hành.

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Đặng Thị Ngọc Trân là Thư ký Toà án nhân dân huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa:*** Ông Lý Út Hoài - Kiểm sát viên.

Trong ngày 24 tháng 10 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 10/2017/TLST-KDTM ngày 07 tháng 8 năm 2017 về tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 07/2017/QĐXXST-KDTM, ngày 06 tháng 10 năm 2017 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Võ Thị L – Chủ hộ kinh doanh T.

Cư trú tại: Ấp C, thị trấn M, huyện M, tỉnh Sóc Trăng (có mặt).

- *Bị đơn:*

1. Ông Trần Thanh S, sinh năm 1970 (vắng mặt);

2. Bà Trần Thị H, sinh năm 1975 (có mặt);

Cùng cư trú tại ấp B, xã V, huyện T, tỉnh Sóc Trăng.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn Trần Thanh S: Bà Trần Thị H, sinh năm 1975; cư trú tại ấp B, xã V, huyện T, tỉnh Sóc Trăng, văn bản ủy quyền ngày 02 tháng 10 năm 2017 (có mặt).

Người phiên dịch tiếng Khmer: Bà **Lý Thị Kim N.**

Nơi công tác: Ban nhân dân ấp G, thị trấn T, huyện T, tỉnh Sóc Trăng (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ghi ngày 18 tháng 7 năm 2017 của nguyên đơn bà Võ Thị L, chủ hộ kinh doanh T trình bày:

Thời gian qua, ông Trần Thanh S có thực hiện việc mua phân bón, thuốc bảo vệ thực vật của hộ kinh doanh T do bà Võ Thị L làm chủ để về bán lại cho nông dân với hình thức mua bán nợ đến cuối vụ lúa trả tiền. Khi vụ lúa đã thu hoạch xong nhưng ông S không thanh toán đủ tiền cho bà L với lý do thu nợ nông dân không được. Đến ngày 01/6/2014, khi kết toán ông S còn nợ bà L số tiền 185.000.000 đồng (Một trăm tám mươi lăm triệu đồng). Ông S có làm biên nhận nợ ngày 01/6/2014 và ông hứa sẽ trả lãi mỗi tháng, cứ sau mỗi vụ lúa ông sẽ trả dần tiền vốn và ông bảo là ông đang làm thủ tục thế chấp vay tiền Ngân hàng trả hết vốn cho bà L như đã hứa. Tính đến ngày 15/02/2017 ông S chỉ đóng lãi cho bà L số tiền 16.000.000 đồng.

Bà Võ Thị L yêu cầu Tòa án giải quyết: Buộc ông Trần Thanh S phải trả cho bà số tiền vốn là 185.000.000 đồng. Đồng thời yêu cầu ông S phải trả tiền lãi với lãi suất 1%/tháng kể từ ngày 01/6/2014 cho đến khi xét xử xong sơ thẩm. Tiền lãi tạm tính từ ngày 01/6/2014 – 01/7/2017 là 37 tháng: 185.000.000 đồng x 1% x 37 tháng = 68.450.000 đồng, trừ số tiền lãi đã đóng là 16.000.000 đồng còn 52.450.000 đồng. Tổng cộng số tiền vốn và lãi ông S phải trả cho bà L là 237.450.000 đồng.

Đến ngày 28 tháng 8 năm 2017 bà Võ Thị L thay đổi, bổ sung yêu cầu khởi kiện với nội dung ông Trần Thanh S cùng vợ là bà Trần Thị H là hai người cùng mua phân bón, thuốc bảo vệ thực vật để về bán lại cho nông dân. Đến ngày 01/6/2014, khi kết toán ông S và bà H còn nợ bà L số tiền 185.000.000 đồng, ông S có làm biên nhận nợ ngày 01/6/2014. Ông S và bà H hứa sẽ trả lãi mỗi tháng là 2%, cứ sau mỗi vụ lúa ông, bà sẽ trả dần tiền vốn nhưng mãi đến nay qua nhiều vụ lúa ông S và bà H không trả tiền vốn và lãi cho bà L như đã hứa. Tính đến ngày 15/02/2017, ông S và bà H đã trả cho bà L tổng cộng là 16.000.000 đồng.

Nay bà L yêu cầu Tòa án giải quyết: Buộc ông Trần Thanh S và bà Trần Thị H phải trả cho bà số tiền vốn là: 185.000.000 đồng - 16.000.000 đồng (đã trả) = 169.000.000 đồng. Đồng thời yêu cầu ông S và bà H phải trả tiền lãi với lãi suất

1%/tháng kể từ ngày 15/02/2017 cho đến khi xét xử xong sơ thẩm. Tiền lãi tạm tính từ ngày 15/02/2017 – 15/8/2017 là 06 tháng: 169.000.000 đồng x 1% x 06 tháng = 10.140.000 đồng. Tổng cộng số tiền vốn và lãi ông S và bà H phải trả cho bà L là 179.140.000 đồng.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 04 tháng 10 năm 2017 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm bị đơn bà Trần Thị H đồng thời là người đại diện theo ủy quyền của bị đơn Trần Thanh S trình bày:

Từ năm 2012 đến năm 2014, bà H và chồng là ông Trần Thanh S có mua phân bón và thuốc bảo vệ thực vật của bà L để về bán lại kiếm lời. Tính đến ngày 01/6/2014, bà H và ông S còn nợ bà L số tiền tổng cộng 185.000.000 đồng, ông S có làm biên nhận ngày 01/6/2014 với bà L. Tính đến nay bà H và ông S đã trả cho bà L được số tiền 16.000.000 đồng, còn nợ lại số tiền 169.000.000 đồng.

Nay bà H thừa nhận bà và ông S còn nợ bà L số tiền vốn gốc 169.000.000 đồng nhưng do đang gặp khó khăn về kinh tế nên xin được trả dần cho bà L mỗi tháng 1.000.000 đồng, còn tiền lãi thì xin bà L không tính.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn và các bị đơn kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về việc giải quyết vụ án, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, bị đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật đề nghị Hội đồng xét xử nghị án và tuyên án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] **Về thủ tục tố tụng:**

[2] Tại phiên tòa, nguyên đơn bà Võ Thị L thay đổi yêu cầu khởi kiện là chỉ yêu cầu bị đơn Trần Thanh S và Trần Thị H trả cho bà số tiền mua phân bón và thuốc bảo vệ thực vật vốn gốc còn nợ là 169.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi từ ngày chậm thanh toán đến ngày Tòa án xét xử. Xét thấy, việc thay đổi yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn không vượt quá phạm vi khởi kiện, căn cứ vào khoản 1 Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] **Về nội dung:**

[4] Tại phiên tòa sơ thẩm nguyên đơn bà Võ Thị L yêu cầu các bị đơn ông Trần Thanh S và bà Trần Thị H phải trả cho bà L số tiền mua phân bón và thuốc

bảo vệ thực vật vốn gốc còn nợ là 169.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi từ ngày chậm thanh toán đến ngày Tòa án xét xử.

[5] Xét yêu cầu của bà L, Hội đồng xét xử thấy rằng: Từ năm 2012 đến năm 2014, ông Trần Thanh S và bà Trần Thị H có mua phân bón và thuốc bảo vệ thực vật nhiều lần của hộ kinh doanh T do bà Võ Thị L làm chủ, mục đích là để về bán lại cho bà con nông dân để kiếm lời. Tính đến ngày 01/6/2014, ông Trần Thanh S có làm biên nhận thừa nhận còn nợ bà L số tiền tổng cộng là 185.000.000 đồng và bà Trần Thị H cũng thừa nhận. Tính đến ngày 15/02/2017, bà H đã trả cho bà L được số tiền 16.000.000 đồng. Đến ngày xét xử sơ thẩm, ông S và bà H còn nợ bà L 169.000.000 đồng và bà Trần Thị H đã thừa nhận. Căn cứ vào khoản 2, khoản 3 Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử công nhận đây là sự thật.

[6] Tại khoản 1 Điều 50 Luật Thương mại quy định về thanh toán thì "Bên mua có nghĩa vụ thanh toán tiền mua hàng và nhận hàng theo thỏa thuận". Như vậy, ông S và bà H đã nhận hàng theo thỏa thuận nhưng chưa thanh toán đủ tiền mua hàng nên phải có nghĩa vụ thanh toán số tiền mua hàng còn nợ cho bà L. Do đó, bà L khởi kiện yêu cầu ông S và bà H phải trả cho bà L số tiền mua phân bón và thuốc bảo vệ thực vật còn nợ tổng cộng là 169.000.000 đồng là có căn cứ chấp nhận.

[7] Tại phiên tòa sơ thẩm bà Trần Thị H và cũng là người đại diện theo ủy quyền của ông Trần Thanh S đồng ý bà cùng với ông S trả số tiền mua phân bón và thuốc bảo vệ thực vật còn nợ bà L tổng cộng là 169.000.000 đồng nhưng do đang gặp khó khăn về kinh tế nên xin được trả dần cho bà L mỗi tháng 1.000.000 đồng cho đến khi dứt nợ nhưng bà L không đồng ý, đồng thời vấn đề này cũng không thuộc thẩm quyền xem xét của Tòa án nên Hội đồng xét xử không có cơ sở để chấp nhận.

[8] Xét đề nghị của Kiểm sát viên về nội dung giải quyết vụ án là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[9] Do chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, căn cứ vào khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án nên các bị đơn ông Trần Thanh S và bà Trần Thị H phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án kinh doanh thương mại có giá ngạch là 8.450.000 đồng.

[10] Nguyên đơn bà Võ Thị L không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, nguyên đơn được hoàn lại số tiền tạm ứng án phí, lệ phí đã nộp theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 và khoản 3 Điều 92 và khoản 1 Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Khoản 1 Điều 50 Luật Thương mại;

- Khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Võ Thị L.

1.1. Xử buộc các bị đơn ông Trần Thanh S và bà Trần Thị H có nghĩa vụ phải trả cho nguyên đơn bà Võ Thị L số tiền mua phân bón và thuốc bảo vệ thực vật còn nợ là 169.000.000 đồng (Một trăm sáu mươi chín triệu đồng).

1.2. Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Về án phí:

2.1. Các bị đơn ông Trần Thanh S và bà Trần Thị H phải chịu 8.450.000 đồng (Tám triệu bốn trăm năm mươi nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án kinh doanh thương mại.

2.2. Nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm; hoàn trả cho nguyên đơn bà Võ Thị L số tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án đã nộp 5.936.250 đồng (Năm triệu chín trăm ba mươi sáu nghìn hai trăm năm mươi đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: AA/2015/ 0006417 ngày 03 tháng 8 năm 2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng.

3. Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử theo trình tự phúc thẩm.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi

hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện Trần Đề;
- Chi cục THA dân sự huyện Trần Đề;
- TAND tỉnh Sóc Trăng (P.KTNV&THA);
- Lưu hồ sơ;
- Lưu Tòa án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
Đã ký

Đặng Phước Tuấn